

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch tháng 5 năm 2015 của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Trà Vinh

Tháng 5, có mưa rải rác ở một số nơi trên địa bàn tỉnh làm giảm cường độ nắng nóng và giảm độ mặn tại các cống đầu mồi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích nước ngọt phục vụ sản xuất lúa Hè Thu và trồng màu; các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng và đàn vật nuôi tiếp tục được kiểm soát; năng suất, sản lượng lúa Đông Xuân đạt cao hơn cùng kỳ. Tuy nhiên, cúm gia cầm xảy ra tại tỉnh Vĩnh Long, nguy cơ lây sang tỉnh ta là rất lớn; thời tiết không ổn định, tác động đến môi trường nuôi thủy sản nên tỷ lệ thiệt hại tăng so với tháng trước đặc biệt là tôm sú; giá tôm sú, tôm thẻ, cá lóc tiếp tục giảm gây khó khăn cho phát triển thủy sản; thị trường tiêu thụ cá tra không ổn định, nông dân không thả nuôi trở lại, làm sản lượng giảm mạnh. Nhưng với sự tập trung chỉ đạo của các ngành, các cấp và địa phương nên sản xuất nông nghiệp tiếp tục có bước phát triển, các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện được thuận lợi và đạt theo kế hoạch đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT

1. Nông nghiệp:

a) Trồng trọt:

- Cây lúa: Thu hoạch dứt điểm 10.236 ha lúa Đông Xuân còn lại, kết thúc vụ với tổng diện tích thu hoạch là 68.885 ha, đạt 100% diện tích xuống giống; năng suất trung bình 6,81 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,1 tấn/ha; sản lượng 469.330 tấn, cao hơn cùng kỳ 23.150 tấn. Riêng 3.875 ha tham gia 21 mô hình cánh đồng mẫu lớn, năng suất trung bình 7,5 tấn/ha và đã thực hiện liên kết với Công ty lương thực Trà Vinh tiêu thụ được 2.609 tấn lúa hàng hóa.

+ Vụ Hè Thu: Xuống giống 10.914 ha, nâng tổng diện tích xuống giống đến nay 24.409 ha, đạt 31,7% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 27.234 ha. Nguyên nhân, do độ mặn tại các cống đầu mồi còn cao, mưa chưa nhiều nên nông dân xuống giống chậm. Mô hình cánh đồng mẫu lớn đã xuống giống được 807 ha. Diện tích lúa Hè Thu nhiễm sâu, bệnh rải rác không đáng kể với tỷ lệ thấp.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Vụ mùa gieo trồng 4.485 ha, nâng tổng diện tích gieo trồng đến nay 33.751 ha, đạt 52,9% kế hoạch cả năm, tương đương cùng kỳ (màu lương thực 4.852 ha, màu thực phẩm 16.813 ha, cây công nghiệp ngắn ngày 10.587 ha và cây hàng năm khác 1.499 ha).

b) *Chăn nuôi*: Tình hình chăn nuôi tương đối ổn định. Nhờ chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh nên trong tháng qua bệnh cúm gia cầm, bệnh LMLM gia súc và bệnh tai xanh trên heo được kiểm soát; các loại dịch bệnh khác xảy ra với quy mô nhỏ lẻ, gây hại không đáng kể.

2. Diêm nghiệp: Sản lượng thu hoạch 3.774 tấn, tiêu thụ 1.655 tấn. Nâng sản lượng thu hoạch đến nay 10.423 tấn, tiêu thụ 4.833 tấn. Nguyên nhân chưa tiêu thụ hết, do vào vụ thu hoạch rộ và chủ yếu tiêu thụ nội tỉnh; chưa liên kết được các đầu mối tiêu thụ lớn.

3. Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi 2.167 ha, thu hoạch 6.659 tấn. Nâng tổng diện tích thả nuôi đến nay là 29.774 ha, đạt 64,8% kế hoạch; thu hoạch 5 tháng là 23.403 tấn, đạt 19,2% kế hoạch cả năm, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 243 triệu con tôm sú giống, trên diện tích 1.123 ha, 329,3 triệu con tôm chân trắng, diện tích 565 ha, 15,4 triệu con cua biển diện tích 950 ha; thu hoạch 2.964 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 1,37 tỷ con tôm sú giống, trên diện tích 16.873 ha, 1,25 tỷ con tôm chân trắng, diện tích 2.304 ha, 69,9 triệu con cua biển, diện tích 10.156 ha, 170 tấn nghêu giống, diện tích 22 ha. Thu hoạch 7.332 tấn (thấp hơn cùng kỳ 2.271 tấn), trong đó tôm sú 2.015 tấn, tôm chân trắng 3.906 tấn, cua biển 1.329 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Do thời tiết thay đổi, môi trường nước không ổn định, nhiệt độ nước giữa ngày và đêm chênh lệch lớn làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, có biểu hiện bệnh đốm trắng, gan tụy làm thiệt hại 219,5 triệu con tôm sú giống (chiếm 16% lượng con giống thả nuôi), diện tích 2.572 ha (chiếm 15,24%); 263 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 20,9% lượng con giống thả nuôi), diện tích 483 ha (chiếm 20,9%).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 14,7 triệu con giống các loại, diện tích 115 ha; thu hoạch 3.694 tấn. Nâng tổng số lượng con giống thả nuôi đến nay 51,2 triệu con, diện tích 418 ha (33,5 triệu con cá lóc, diện tích 105 ha); thu hoạch 16.070 tấn (thấp hơn cùng kỳ 2.271 tấn), gồm cá lóc 10.672 tấn, cá tra 965 tấn, tôm càng xanh 219 tấn, còn lại là các loại khác, đạt 24,5% kế hoạch cả năm.

- Khai thác: Toàn tỉnh có 1.196 tàu khai thác hải sản được đăng ký, tổng công suất 83.443 CV (193 tàu có công suất từ 90 CV trở lên). Sản lượng khai thác trong tháng 5.895 tấn (941 tấn tôm), nâng tổng sản lượng khai thác đến nay 29.868 tấn (4.837 tấn tôm), đạt 35,9% kế hoạch cả năm, tăng 2,6% so cùng kỳ, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 534 tấn (197 tấn tôm), nâng tổng số đến nay 3.902 tấn (1.532 tấn tôm), đạt 26,9% kế hoạch, giảm 7,5% so cùng kỳ.

+ Khai thác hải sản: 5.362 tấn (744 tấn tôm), nâng tổng số đến nay 25.965 tấn (3.305 tấn tôm), đạt 37,9% kế hoạch, tăng 4,3% so cùng kỳ.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 781 tấn (96 tấn tôm sú), chế biến 266 tấn, tiêu thụ 291 tấn, kim ngạch xuất khẩu 3,8 triệu USD. Nâng tổng số 5 tháng thu mua 2.758 tấn thủy sản (235 tấn tôm sú), chế biến 1.589 tấn, tiêu thụ 1.400 tấn, kim ngạch xuất khẩu 6,22 triệu USD.

II. CÔNG TÁC CHUYÊN NGÀNH

1. Công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi:

- Theo dõi bầy đàn để thông báo lịch xuống giống lúa né rầy; thường xuyên kiểm tra thực tế ngoài đồng ruộng để hướng dẫn nông dân phòng, trị kịp thời các loại bệnh như đạo ôn, cháy bìa lá, rầy nâu; tuyên truyền, khuyến cáo nông dân cải tạo, vệ sinh đồng ruộng ở những nơi có điều kiện để cách ly mầm bệnh được 9.116 ha. Tổ chức 18 lớp tập huấn, hướng dẫn quy trình quản lý bệnh chổi rồng (cắt tia, bón phân, phun thuốc) cho 650 lượt nông dân trồng nhãn; kiểm tra mật số nhện long nhung để đánh giá hiệu quả trước và sau khi phun thuốc phòng trị.

- Tiêm vaccine phòng cúm 110.725 con gia cầm, phòng LMLM 8.588 con gia súc, phòng dại chó, mèo 2.205 con và phòng các bệnh thường xuyên 61 ngàn con gia súc; kiểm dịch 328 ngàn con gia cầm, 12 ngàn con gia súc, 126 tấn thịt gia súc và 2,7 triệu quả trứng. Nâng tổng số đến nay đã tiêm phòng cúm 2,6 triệu con gia cầm (gà 889 ngàn con, chiếm 32% tổng đàn; vịt 1,7 triệu con, chiếm 98% tổng đàn), vaccine LMLM 8.588 con gia súc (trâu, bò 7.489 con, chiếm 4,8% tổng đàn; heo giống 1.061 con, chiếm 0,3% tổng đàn và dê, cừu 38 con), phòng dại chó, mèo 3.638 con và phòng các bệnh thường xuyên 238 ngàn con gia súc (dịch tả 84 ngàn con; tụ huyết trùng 77 ngàn con; phó thương hàn 76 ngàn con); kiểm dịch 01 triệu con gia cầm, 37 ngàn con gia súc, 323 tấn thịt gia súc và 9,4 triệu quả trứng gia cầm.

- Kiểm dịch 22 triệu con tôm sú giống, 65 triệu con tôm chân trắng, cấp 44 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 03 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống; cấp 04 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 06 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước, thu phân tích 04 mẫu nước, 58 mẫu giáp xác. Nâng tổng số đến nay kiểm dịch 136 triệu con tôm sú giống, 299 triệu con tôm thẻ chân trắng, cấp 391 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 99 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 17 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản, 57 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 55 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 26 mẫu nước, 75 mẫu giáp xác phục vụ nuôi thủy sản.

2. Công tác lâm sinh:

Nghiệm thu phúc tra công trình trồng rừng thuộc Dự án Đầu tư, xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ giai đoạn 2014-2015; hoàn thành hồ sơ giải ngân công trình trồng rừng phòng hộ năm 2014 theo chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2014-2015; kiểm tra cây giống phục vụ cho công tác trồng rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán năm 2015. Vệ sinh phòng cháy 10,17 ha rừng; thực hiện 65 lượt tuần tra bảo vệ rừng, không phát hiện vi phạm. Nâng tổng số đến nay thực hiện vệ sinh phòng cháy 263,27 ha rừng, đạt 100% kế hoạch; thực hiện 264 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 04 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định.

3. Công tác khuyến nông, khuyến ngư:

- Kết hợp Đài Phát thanh Truyền hình thực hiện 02 chuyên mục “Kỹ thuật chăm sóc và quản lý tôm giai đoạn 1 - 2 tháng tuổi” và “Kỹ thuật chăm sóc tôm

nuôi trong mùa nắng”. Nâng tổng số đến nay thực hiện 06 chuyên mục, 01 phóng sự, 05 bản tin thời sự và 01 cuộc tọa đàm; 04 cuộc cho 152 người tham dự; cấp phát 150 quyển sổ tay khuyến nông khuyến ngư năm, 235 quyển tài liệu, 44 bộ tranh công cụ, 950 tờ tài liệu bướm và 48 đĩa kỹ thuật các loại.

- Tổ chức 11 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng ớt chỉ thiên, chăn nuôi bò, nuôi tôm thẻ chân trắng, tuyên truyền xây dựng công trình khí sinh học cho 330 lượt người; xây dựng 45 công trình khí sinh học; phân công cán bộ về địa phương trực tiếp tư vấn kỹ thuật cho 587 nông hộ. Nâng tổng số đến nay tổ chức 79 lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi tôm chân trắng cho 2.243 lượt người (trồng trọt 2 lớp, chăn nuôi 7 lớp, thủy sản 55 lớp, khí sinh học 15 lớp); xây dựng 119 công trình khí sinh học; trực tiếp tư vấn kỹ thuật cho 1.593 lượt nông hộ.

- Thực hiện các mô hình trình diễn về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản: Trồng thanh long ruột tím, ruột hồng; trồng lan cắt cành; chăn nuôi vịt biển thích ứng với biến đổi khí hậu; nuôi kết hợp tôm sú – cá rô phi; nuôi tôm thẻ, tôm sú theo tiêu chuẩn VietGAP; nuôi hàu treo giàn bè trên sông; xây dựng hệ thống máy sấy lúa năng suất 30 - 50 tấn/mè.

4. Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Thực hiện 85 công trình thủy lợi nội đồng, với tổng chiều dài 55.680 m, khối lượng đất đào đắp 206.105 m³. Nâng tổng số 5 tháng thực hiện được 176 công trình thủy lợi nội đồng, với tổng chiều dài 117.628 m, khối lượng đất đào đắp 405.096 m³, đạt 29,3% kế hoạch.

- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các Sở, ngành và địa phương dự thảo Dự án Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Tham gia nghiệm thu đưa vào sử dụng 03 công trình thủy lợi phục vụ sản xuất; thu thập số liệu, lập bản đồ bố trí công trình thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới xã Hòa Minh, huyện Châu Thành.

- Triển khai khảo sát đánh giá tình trạng xuống cấp của các cầu giao thông nông thôn xã Long Hòa, huyện Châu Thành để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Tham mưu BCH phòng chống thiên tai hoàn thành phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức 12 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện 01 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê. Lũy kế đến nay tổ chức 73 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện 28 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê và an toàn thân đê, đã xử lý theo quy định.

5. Công tác xây dựng cơ bản:

Tiếp tục triển khai thực hiện 17 dự án, trong đó 04 dự án mới khởi công, 13 dự án chuyển tiếp (09 dự án phục vụ nuôi trồng thủy sản, 02 dự án phục vụ sản xuất lúa, màu, 05 dự án đê, kè; 01 dự án dân dụng). Giải ngân 11,18 tỷ đồng, nâng tổng số 5 tháng giải ngân 126,85 tỷ đồng.

6. Sản xuất và cung ứng giống:

- Giống nông nghiệp: Vụ Hè Thu khảo nghiệm và chọn dòng phân ly 03 bộ giống lúa (A₀, A₁, Trà Vinh), diện tích 0,2 ha, đang phát triển tốt. Tổ chức nhân giống lúa, diện tích 19,4 ha (cấp xác nhận) tại huyện Cầu Kè và Châu Thành; nhân giống bưởi da xanh, diện tích 06 ha tại các huyện Càng Long, Tiểu Cần, Trà Cú, Cầu Kè (đã thẩm định 03 ha); thực hiện 02 mô hình nhân giống gà, quy mô 500 con/mô hình, hiện đang phát triển bình thường. Tổ chức sản xuất 11,7 ha lúa giống cấp xác nhận 1. Cung ứng 27,5 tấn lúa giống và 524 cây giống các loại, nâng tổng số đến nay cung ứng 45,7 tấn lúa giống (1,3 tấn nguyên chủng) và 1.462 cây giống các loại.

- Giống vật nuôi: Tập trung chăm sóc 44 con bò giống và bê con, (34 con bò cái sinh sản, 02 con bò đực giống, 8 con bê); cải tạo đất, bón phân, chăm sóc 01 ha cỏ làm thức ăn tươi cho đàn bò.

- Giống thủy sản: Triển khai thực hiện 04 mô hình gồm: Sinh sản lươn đồng bằng phương pháp bán nhân tạo; ương cua biển từ cua tiêu lên cua mẹ; sản xuất giống cá rô phi đã qua chọn lọc bằng phương pháp xử lý đơn tính; sinh sản và ương giống cá sặc rằn. Sản xuất 115 ngàn con tôm càng xanh, 120 ngàn con cá lóc bột; điều tiết, cung ứng 1,4 triệu con post tôm sú, 200 ngàn con cá lóc bột. Nâng tổng số đến nay sản xuất 6,8 triệu con tôm sú giống, 115 ngàn con tôm càng xanh, 120 ngàn con cá lóc bột; điều tiết, cung ứng 0,7 triệu con post tôm thẻ, 2,5 triệu con post tôm sú, 200 ngàn con cá lóc bột.

7. Công tác phát triển nông thôn:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 401 cuộc tuyên truyền lồng ghép về các tiêu chuẩn ấp, hộ nông thôn mới cho 13.628 lượt người là hộ dân và đoàn thể của địa phương. Nâng tổng số 5 tháng tổ chức được 1.115 cuộc tuyên truyền lồng ghép với 36.236 lượt người là hộ dân và đoàn thể của địa phương; phối hợp với Đài Phát thanh-Truyền hình thực hiện 05 phóng sự về xây dựng nông thôn mới.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về nông thôn mới đối với 85 xã: Có 15 xã đạt 19 tiêu chí; 02 xã đạt 15-18 tiêu chí; 37 xã đạt 10-14 tiêu chí; 31 xã đạt 5-9 tiêu chí.

+ Kết quả thực hiện nguồn vốn: Gồm vốn sự nghiệp 4,9 tỷ đồng hỗ trợ phát triển sản xuất cho 17 xã điểm, đến nay có 3 xã đã triển khai thực hiện, 08 xã đang lập kế hoạch, 06 xã chưa có kế hoạch thực hiện, đã giải ngân được 498 triệu. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản 68 tỷ đồng, hỗ trợ cho 34 xã thực hiện 62 công trình (45 công trình đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài 42.843m, 02 trường học, 10 nhà văn hóa; 02 công trình nâng cấp chợ, trạm y tế; 03 sân vận động), đến nay có 09 công trình đã triển khai thực hiện.

Ngoài ra, còn tổ chức công nhận 02 xã An Trường (Càng Long) và Mỹ Long Bắc (Cầu Ngang) đạt xã nông thôn mới; kiểm tra thực tế kết quả thực hiện 19 tiêu chí và nắm nhu cầu đầu tư để hoàn thành các tiêu chí còn lại của 12 xã dự kiến hoàn thành 19/19 tiêu chí trong năm 2015; hoàn chỉnh lại Đề án xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Công tác sắp xếp bố trí dân cư: Trình thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục xây dựng đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước, bàn giao mặt bằng lô 1 dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa, đạt 50% khối lượng; trình UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình dự án chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân khu vực thị trấn Tiểu Cần; tổ chức khảo sát thực tế mặt bằng, báo cáo UBND tỉnh làm cơ sở thẩm định phê duyệt Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa.

- Phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã (HTX): Tổ chức 02 lớp tập huấn thành lập mới tổ hợp tác; 5 lớp củng cố HTX, tổ hợp tác. Nâng tổng số đến nay tổ chức 10 lớp tập huấn thành lập mới tổ hợp tác cho 273 lượt người; 06 lớp củng cố HTX, tổ hợp tác (4 HTX) cho 180 lượt người trên địa bàn các huyện Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải và thành phố Trà Vinh.

- Phát triển ngành nghề nông thôn: Hoàn thành việc điều chỉnh quy chế xét công nhận nghề, làng nghề, làng nghề tiêu thủ công nghiệp theo yêu cầu của Văn phòng UBND tỉnh. Khảo sát, hỗ trợ lập hồ sơ công nhận làng nghề xóm đẹp xã Nhị Trường; làng nghề bó chổi xã Tân Hòa; làng nghề bánh tráng xã Nguyệt Hóa và làng nghề sản xuất muối xã Dân Thành; khai giảng 09 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại các huyện Càng Long, Cầu Kè, Trà Cú và thành phố Trà Vinh.

- Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sinh hoạt và VSMTNT: Tiếp tục thực hiện 08 dự án gồm: Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước sạch xã Ngọc Biên; nâng cấp, mở rộng nhà máy nước xã Nhị Long Phú; mở rộng mạng phân phối xã Đại Phước; Xây dựng công trình nhà máy nước sạch xã Trường Long Hòa; nâng cấp mở rộng nhà máy nước sạch xã Tân Sơn; nâng cấp mở rộng nhà máy nước sạch Thị trấn Định An; nâng cấp mở rộng nhà máy nước sạch xã Đức Mỹ và dự án Tuyến ống cấp nước nhà sơ chế rau an toàn xã Hòa Lợi. Trong đó, hoàn thành 02 dự án, mới khởi công 01 dự án, duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật 01 dự án, các dự án đang thực hiện đạt từ 85 đến 95% khối lượng. Trong 5 tháng, đã giải ngân 9.649 triệu đồng, đạt 47,64 % kế hoạch năm. Trong tháng, lắp đặt cho 770 hộ sử dụng nước máy do ngành đầu tư và cung cấp, nâng tổng số từ đầu chương trình đến nay đã lắp đặt cho 73.162 hộ sử dụng nước máy.

8. Quản lý Nhà nước chuyên ngành:

- Quản lý chất lượng nông - lâm - thủy sản: Thanh tra, kiểm tra, đánh giá phân loại điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm 60 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông, thủy sản và 06 tàu cá, kết quả 06 cơ sở vi phạm; cấp 09 giấy chứng nhận, xác nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, đủ kiến thức an toàn thực phẩm; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 59 mẫu. Nâng tổng số 5 tháng kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; đánh giá phân loại 184 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thủy sản, muối, vật tư nông nghiệp và 24 tàu cá, kết quả xếp loại có 71 loại A, 81 loại B, 42 loại C, 14 cơ sở, tàu cá ngưng hoạt động; cấp 42 giấy chứng nhận, xác nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, kiến thức an toàn thực phẩm; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 241 mẫu (54 mẫu nông sản, 187 mẫu thủy sản).

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 49 tàu cá (02 tàu ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 04 tàu, đăng ký 08 tàu, xóa bộ 02 tàu, cấp 24 sổ danh bạ (91 thuyền viên), cấp, gia hạn 42 giấy phép khai thác thủy sản, 02 giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Nâng tổng số 5 tháng đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 250 tàu cá (09 tàu ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 30 tàu, đăng ký 47 tàu, xóa bộ 22 tàu, cấp 113 sổ danh bạ (485 thuyền viên), cấp 218 giấy phép khai thác thủy sản, 122 giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU.

+ Tổ chức thu phí 1.570 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 2.529 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 70,6 triệu đồng. Nâng tổng số 5 tháng thu phí 6.274 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 6.571 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 292,3 triệu đồng.

- Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 19 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản, hóa chất, chế phẩm dùng trong nuôi thủy sản cho 535 lượt người. Nâng tổng số 5 tháng tổ chức 114 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản, hóa chất, chế phẩm dùng trong nuôi thủy sản cho 3.532 lượt người.

+ Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra 12 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 33 cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thu mua nguyên liệu thủy sản, sơ chế rau an toàn; thu, phân tích, kiểm tra chất lượng 37 mẫu thức ăn chăn nuôi, phân bón, lúa giống; quyết định xử phạt 04 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số 5 tháng kiểm tra 200 lượt tàu cá, 83 cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi thủy sản, sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, giống lúa, sản phẩm động vật, 24 phương tiện vận chuyển giống thủy sản; thu, phân tích, kiểm tra chất lượng 74 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, phân bón, lúa giống, nguyên liệu thủy sản, rau an toàn; quyết định xử phạt 28 trường hợp vi phạm.

9. Các công tác khác:

- Kết hợp đơn vị tư vấn triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 và lập mới 02 quy hoạch: Quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Thẩm định, phê duyệt Phương án trồng cây lâm nghiệp phân tán năm 2015; Trình thẩm định và bảo vệ Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020.

- Hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết phê duyệt định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện chính sách khuyến

khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh; gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh triển khai thực hiện QĐ số 50/2014/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ.

- Sơ kết đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Quyết định số 48/2010/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ.

- Xin chủ trương xây dựng dự án đầu tư nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020; Thông qua hội đồng thẩm định Kế hoạch cánh đồng lớn.

- Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách chủ tàu cá được hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thuyền viên và bảo hiểm thân tàu đợt 1 năm 2015 (thành phố Trà Vinh và huyện Châu Thành).

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được:

- Có sự tập trung chỉ đạo quyết liệt trong công tác phòng, chống dịch bệnh nên các loại dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi và trên cây trồng, tiếp tục được kiểm soát.

- Công tác khuyến nông được tăng cường, diện tích sản xuất lúa áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới được mở rộng góp phần tăng năng suất, sản lượng lúa, đặc biệt là vụ Đông Xuân.

- Thời tiết thuận lợi, ngư dân tập trung ra khơi đánh bắt thủy - hải sản đạt sản lượng khá và cao hơn cùng kỳ.

- Công tác chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành từng bước đi vào chiều sâu, triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Công tác xây dựng nông thôn mới được các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo, đặc biệt là công tác tuyên truyền nên người dân hưởng ứng tích cực, kết quả thực hiện các tiêu chí tăng.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn; nông hộ không có khả năng đầu tư chăn nuôi quy mô lớn nên tình hình chăn nuôi tuy có phát triển nhưng thiếu bền vững.

- Việc chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng màu và kết hợp nuôi thủy sản ở một số địa phương chậm báo cáo.

- Thời tiết không ổn định, môi trường ao nuôi biến động, xuất hiện bệnh đốm trắng, gan tụy dẫn đến thiệt hại trong tôm nuôi, đặc biệt là tôm sú.

- Thị trường tiêu thụ cá tra, không ổn định, nông dân không mạnh dạn thả nuôi trở lại nên diện tích, sản lượng giảm đáng kể.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 6 NĂM 2015

1. Công tác chỉ đạo sản xuất và phòng chống dịch bệnh:

a) Trồng trọt:

- Cây lúa: Chỉ đạo đơn vị chuyên môn hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích lúa hiện diện trên đồng, nhất là vùng lúa chất lượng cao và mô hình cánh đồng mẫu; vận động nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện và phòng trị kịp thời các loại sâu, bệnh gây hại. Khuyến cáo nông dân không xuống giống kéo dài sau lịch thời vụ làm ảnh hưởng đến những vụ tiếp theo.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích màu đã xuống giống và tiếp tục triển khai trồng màu vụ mùa năm 2015; khuyến khích mở rộng diện tích rau an toàn và các loại cây màu có giá trị kinh tế cao nhất là cây bắp, đậu phộng.

b) Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Tập trung chỉ đạo đơn vị chuyên môn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trong thời điểm giao mùa, đặc biệt là cúm gia cầm, LMLM gia súc và tai xanh trên heo; thực hiện tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi. Tiếp tục thực hiện công tác tiêm phòng cúm gia cầm, LMLM gia súc, các loại vaccine thường xuyên khác và bệnh dại chó, mèo. Tổ chức thực hiện Kế hoạch quản lý đàn chó và bắt chó chạy rong năm 2015. Thực hiện lấy mẫu giám sát theo sự chỉ đạo của Cục Thú y và Cơ quan Thú y Vùng VII. Kiểm soát chặt chẽ tình hình vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh.

c) Thủy sản: Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện kiểm tra chặt chẽ tình hình sản xuất giống thủy sản, nhất là tình hình sản xuất và nhập tỉnh tôm sú và tôm chân trắng; tiếp tục tăng cường cán bộ bám sát địa bàn nuôi tôm tập trung để hướng dẫn nông dân phòng, chống dịch bệnh trong điều kiện thời tiết giao mùa; thực hiện quản lý giống thủy sản và vật tư đầu vào phục vụ cho nuôi thủy sản; tiếp tục quan trắc, môi trường, thu mẫu giáp xác ở các tuyến sông đầu nguồn đại diện cho vùng nuôi.

2. Công tác chuyên môn:

- Kết hợp đơn vị tư vấn xử lý số liệu, tổng hợp lập báo cáo 03 quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và nuôi trồng thủy sản đến năm 2020; Quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện giải ngân cho các tổ chức, hộ gia đình nhận khoán trồng, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng năm 2014; tiếp tục nhắc nhở các hộ nhận khoán trồng rừng năm 2014 trồng dặm đảm bảo mật độ và kiểm tra công tác gieo ươm, chăm sóc cây giống phục vụ công tác trồng rừng năm 2015. Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác PCCCR năm 2014, triển khai kế hoạch công tác PCCCR năm 2015; tiếp tục tuyên truyền, vận động các hộ dân sống gần rừng sử dụng lửa an toàn. Thực hiện tuần tra quản lý bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã.

- Kết hợp địa phương khẩn trương triển khai thực hiện công tác thủy lợi

nội đồng năm 2015; thường xuyên kiểm tra độ mặn tại các cống đầu mỗi, theo dõi cao trình nước, chủ động tích nước ngọt, phòng, chống hạn, mặn, xì phèn; chỉ đạo vận hành công phục vụ an toàn cho sản xuất và dân sinh.

- Tiếp tục sản xuất và cung ứng giống lúa, cây ăn trái, giống thủy sản; tập trung chuyên giao công nghệ sản xuất giống thủy sản các loại cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung chỉ đạo cán bộ kỹ thuật tư vấn trực tiếp về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản cho nông dân; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm trong sản xuất lúa, đặc biệt là sản xuất lúa chất lượng cao và mô hình cánh đồng lớn; tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình trình diễn, nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

- Tiếp tục chỉ đạo vận hành tốt 165 trạm cấp nước hiện có trên địa bàn tỉnh, thực hiện lắp đặt thêm 830 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh do ngành nông nghiệp cung cấp.

- Tập trung theo dõi, giám sát thi công các công trình thủy lợi, xây dựng cơ bản chuyển tiếp từ năm 2014 và các công trình đầu tư mới năm 2015.

- Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống (đặc biệt là lúa giống và tôm giống), vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho ngư dân; hướng dẫn nông, ngư dân ở vùng ven sông, ven biển, vùng có nguy cơ bị sạt lở chủ động di dời khi có sự cố; tuyên truyền cho ngư dân trang bị các thiết bị an toàn cho thuyền viên và tàu cá trước khi ra khơi.

Trên đây là báo cáo tình hình công tác tháng 5, kế hoạch tháng 6 năm 2015 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh năm, theo dõi, chỉ đạo./

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.



Lưu Trung Kiên



BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tính đến ngày 15/5/2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cùng kỳ 2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 5	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	241.081	291.707	15.399	216.257	89,70%	74,14%
I.1.	Cây lương thực có hạt	Ha	210.559	235.050	11.242	185.901	88,29%	79,09%
	Cây lúa	Ha	207.293	227.900	10.914	182.506	88,04%	80,08%
	Vụ Thu Đông-mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	89.202,44	87.400		89.209,38	100,01%	102,07%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	89.202,44	87.400		89.209,38	100,01%	102,07%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,10	54,15		53,41	100,58%	98,64%
	- Sản lượng	tấn	473.706	473.271		476.506	100,59%	100,68%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	66.448,0	63.500		68.887,9	103,67%	108,48%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	66.448,0	63.500	10.236	68.887,9	103,67%	108,48%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	67,15	65,00	79,35	68,13	101,46%	104,81%
	- Sản lượng	tấn	446.180	412.750	81.228,0	469.330	105,19%	113,71%
	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích	Ha	51.643	77.000	10.914	24.409	47,26%	31,70%
	- Năng suất	Tạ/ha		5,35				
	- Sản lượng	tấn		411.950				
	Cây màu	Ha	33.787,20	63.807,00	4.484,75	33.750,83	99,89%	52,90%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.266	7.150	328,00	3.394,83	103,94%	47,48%
	- Diện tích thu hoạch	"	1.432	7.150	480,94	2.218,46	154,90%	31,03%
	- Năng suất	Tạ/ha	48,90	54,50	55,18	55,18	112,84%	101,25%
	- Sản lượng	Tấn	7.004	38.968	2.654	12.241	174,79%	31,41%
I.2.	Cây có củ	Ha	1.467,00	3.387	228	1.457,07	99,32%	43,02%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	758	1.516	79,62	748,19	98,71%	49,35%
	+ Diện tích thu hoạch	"	318	1.516	148,08	346,32	109,07%	22,84%
	+ Năng suất	Tạ/ha	48,82	165,49	132,48	132,50	271,43%	80,06%
	+ Sản lượng	Tấn	1.550	25.089	1.962	4.589	296,05%	18,29%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	463	1.071	100,14	472,20	101,99%	44,09%
	+ Diện tích thu hoạch	"	106	1.071	45,18	120,18	113,69%	11,22%
	+ Năng suất	Tạ/ha	114,70	143,19	116	115,60	100,78%	80,73%
	+ Sản lượng	Tấn	1.212	15.336	522	1.389	114,58%	9,06%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	246	800	48,51	236,68	96,21%	29,59%
	+ Diện tích thu hoạch	"	88	800	20,95	44,65	50,57%	5,58%
I.3.	Cây thực phẩm	Ha	16.734,00	36.230	2.968,87	16.813,40	100,47%	46,41%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	16.234	35.430	2.925,42	16.169,40	99,60%	45,64%
	+ Diện tích thu hoạch	"	11.376	35.430	1.136,16	11.462,34	100,76%	32,35%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cùng kỳ 2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 5	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Năng suất	Tạ/ha	214,7	223,00	221,20	221,2	103,03%	99,19%
	+ Sản lượng	Tấn	244.232	790.089	25.132	253.547	103,81%	32,09%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	500	800	43,45	644,00	128,80%	80,50%
	+ Diện tích thu hoạch	"	232	800	78,14	213,46	91,95%	26,68%
	+ Năng suất	Tạ/ha	142,1	16,50	132,64	132,6	93,31%	803,64%
	+ Sản lượng	Tấn	3.299	1.320	1.036	2.830	85,80%	214,43%
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		11.092	14.740	780,93	10.587	95,44%	71,82%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.844	5.640	260,59	3.899,44	101,44%	69,14%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.086	5.640	571,70	2.368,82	113,53%	42,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	44,70	53,75	47,80	47,80	106,94%	88,93%
	+ Sản lượng	Tấn	9.326	30.315	2.733	11.323	121,41%	37,35%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	5.802	6.300	386,21	5.357,66	92,34%	85,04%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.870	6.300	416,56	3.742,56	96,70%	59,41%
	+ Năng suất	Tạ/ha	956	1.120	1083,90	1.083,90	113,43%	96,78%
	+ Sản lượng	Tấn	369.842	705.600	45.151	405.656	109,68%	57,49%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.446	2.800	134,13	1.329,53	91,95%	47,48%
	+ Diện tích thu hoạch	"	358	2.800	5.951,03	6.432,26	1798,33%	229,72%
	+ Năng suất	Tạ/ha	87,80	98,00	98,65	98,65	112,36%	100,66%
	+ Sản lượng	Tấn	3.140	27.440	58.707	63.454	2020,56%	231,25%
1.5	Cây trồng khác	"	1.228	2.300	178,7	1.499	122,04%	65,17%
	+ Cây hàng năm khác	Ha	1.121,60	2.120	131,7	1.347,25	120,12%	63,55%
	+ Dây thuốc cá	"	106,60	180	47,0	151,65	142,26%	84,25%
2	Cây lâu năm							
3	Cây ăn quả							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha						
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha						
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha						
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây						
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	DIỆM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	38.127,44	45.900	2.767,23	29.774,01	78,09%	64,87%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	841,31	5.000	129,53	417,86	49,67%	8,36%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cùng kỳ 2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 5	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	Diện tích nuôi cá	"	782	3.500	129,53	416,26	53,24%	11,89%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	6,97	40	1,12	1,19	17,07%	2,98%
	Cá lóc	"	114	290	20,15	105,56	92,78%	36,40%
	Diện tích nuôi giáp xác	"	59,50	1.500	-	1,60	2,69%	0,11%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	59,50	1.500	-	1,60	2,69%	0,11%
	- Diện tích nuôi khác	"			-			
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	37.286,13	40.900	2.637,70	29.356,2	78,73%	71,78%
	- Diện tích nuôi cá							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	36.706,9	38.700,0	2.637,70	29.334,15	79,91%	75,80%
	Trong đó: + Tôm sú	"	17.785	19.900	1.122,35	16.872,79	94,87%	84,79%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	4.007	5.000	565,35	2.304,76	57,52%	46,10%
	+ Cua biển	"	14.915	13.800	950,00	10.156,60	68,10%	73,60%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	579	2.200	-	22,00	3,80%	1,00%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	57.155	204.925	12.555,01	53.271,0	93,20%	26,00%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	28.039	121.925	6.659,36	23.403,1	83,47%	19,19%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	18.342	65.500	3.694,97	16.070,7	87,61%	24,54%
	- Sản lượng cá	"	18.097,18	65.000	3.692,47	15.851,71	87,59%	24,39%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	3.141	15.500	314,30	965	30,73%	6,23%
	Cá lóc	"	10.489	29.500	2.462,07	10.673	101,75%	36,18%
	- Sản lượng giáp xác	"	245	500	2,50	219,0	89,28%	43,80%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	245	500	2,50	219,0	89,28%	43,80%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	-					
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	9.696,3	56.425	2.964,39	7.332,4	75,62%	13,00%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng tôm nuôi	"	9.199	50.425	2.945,34	7.250,78	78,82%	14,38%
	Trong đó: + Tôm sú	"	1.298	14.925	879,36	2.015,40	155,22%	13,50%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	6.344	25.500	1.727,28	3.906,03	61,57%	15,32%
	+ Nuôi cua biển	"	1.556	10.000	338,70	1.329,35	85,43%	13,29%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	498	6.000	19,05	81,65	16,41%	1,36%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	29.115,91	83.000	5.895,65	29.867,83	102,58%	35,99%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	24.896,53	68.500	5.361,60	25.965,11	104,29%	37,91%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	12.451	27.000	2.014,91	11.740,80	94,29%	43,48%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	4.715	8.500	744,11	3.305,34	70,11%	38,89%
	Trong đó: - Tôm...	"						

STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ 2014	KH vụ/năm 2015	TH tháng 5	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	7.730	33.000	2.602,58	10.918,97	141,25%	33,09%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	4.219,38	14.500	534,05	3.902,72	92,50%	26,92%
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.810	6.800	206,90	1.646,94	90,99%	24,22%
	- Tôm các loại	"	1.647	4.700	196,70	1.532,05	93,02%	32,60%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	762	3.000	130,45	723,73	94,95%	24,12%